

Số: *1059*/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *14* tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Thủy điện
Đề Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 182/TTr-STNMT ngày 08 tháng 6 năm 2021 (kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Thủy điện Đề Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Thủy điện Đề Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Trường Thịnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Tủa Chùa; Chủ dự án và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03 bản);
- Công ty Cổ phần Trường Thịnh (02 bản);
- Lưu: VT, BTCD, KTN_(LNH)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đức Toàn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Thủy điện Đê Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên”
(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Điện Biên)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Thủy điện Đê Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

1.2. Chủ dự án:

Cơ quan chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Trường Thịnh.

Người đại diện: Ông Trần Quốc Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa điểm thực hiện dự án: Xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Vị trí địa lý:

Tuyến đập: 21°52'54,5” N vĩ độ Bắc và 103°17'59,0” E kinh độ Đông.

Nhà máy: 21°52'57,3” N vĩ độ Bắc và 103°17'34,9” E kinh độ Đông.

1.3. Quy mô dự án

Dự án “Thủy điện Đê Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên” khai thác năng lượng trên suối Đê Bâu thuộc địa bàn xã Trung Thu và xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa.

Công suất lắp máy $N_{lm} = 6$ MW; số tổ máy là 02 tổ; mực nước dâng bình thường 330,0 m; mực nước chết 328,0 m; mực nước hạ lưu nhỏ nhất 240 m.

Diện tích mặt hồ ứng với mực nước dâng bình thường là 0,62ha, dung tích hồ chứa $V = 43.750$ m³, dung tích hữu ích 32.050 m³, dung tích chết 11.700 m³.

Đập chính dài 56,2 m, chiều cao lớn nhất 17 m, chiều rộng đỉnh đập 5 m.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu phát sinh trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và vận hành nhà máy gồm:

	Loại chất thải	Hoạt động phát sinh	Quy mô	Tính chất
I	Giai đoạn triển khai xây dựng			
1	Bụi, khí thải	- Từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và đất đá thải. - Từ quá trình đào, đắp hố móng, nền công trình, đào hầm...	-	Bụi, khí SO ₂ , NO _x , CO...

	Loại chất thải	Hoạt động phát sinh	Quy mô	Tính chất
		<ul style="list-style-type: none"> - Từ các thiết bị sử dụng dầu diezen. - Từ hoạt động thi công đổ bê tông, thi công xây dựng các hạng mục công trình. - Từ hoạt động lắp đặt các thiết bị. - Từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng. - Từ quá trình xây lắp công trình phụ trợ, đường TC-VH. 		
2	Nước thải	Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân	10 m ³ /ngày	TSS, BOD ₅ , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ, coliform...
		Từ hoạt động xây dựng, xây lắp các công trình phụ trợ, làm đường TC-VH	15,75 m ³ /ngày	TSS, độ đục, dầu mỡ...
3	Nước mưa chảy tràn		10.368 m ³ /ngày	TSS, độ đục, dầu mỡ...
4	Chất thải rắn thông thường	Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân	50 kg/ngày	Các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...
		Từ hoạt động xây dựng, xây lắp các công trình phụ trợ, làm đường TC-VH	30.492,7 m ³	Đất, đá thải
		Phát quang thực vật, thu dọn lòng hồ	110,7 tấn	Gốc, rễ, lá cây, cỏ, cây bụi...
5	Chất thải nguy hại	Bảo dưỡng thiết bị, xe, máy thi công, khu vực văn phòng	1.420 kg/năm	Găng tay, giẻ lau, dầu thải, bóng đèn neon hỏng, pin, ắc quy,...
II	Giai đoạn vận hành			

	Loại chất thải	Hoạt động phát sinh	Quy mô	Tính chất
1	Nước thải	Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân	1 m ³ /ngày, đêm	TSS, BOD ₅ , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ, coliform...
2	Chất thải rắn thông thường	Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân	5 kg/ngày	Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa...
5	Chất thải nguy hại	Từ hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị, khu vực văn phòng	700 kg/năm	Găng tay, giẻ lau, dầu thải...

3. Các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Thu gom và giảm thiểu tác động tới môi trường từ nước thải sinh hoạt

* Giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí 02 nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn, dung tích 5m³ (2,5 x 2 x 1m) tại các khu vực nhà máy, đập đầu mối.

Nước thải từ quá trình tắm giặt được thu qua các rãnh thu gom với kích thước 0,4x0,4m và hồ lắng có kích thước 3x2x1,5m được bố trí khu vực lán trại.

Thường xuyên kiểm tra, nạo vét không để bùn đất, rác thải gây tắc nghẽn nhà vệ sinh và đường thoát nước thải.

Định kỳ 06 tháng/lần bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý xả vào nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

* Giai đoạn vận hành dự án

Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại bể tự hoại 3 ngăn cải tiến dung tích 5m³ (2,5x2x1m) xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trước khi xả thải tại nguồn tiếp nhận là suối Đê Bâu.

Định kỳ 06 tháng/lần bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý xả vào nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

3.2. Thu gom và giảm thiểu tác động tới môi trường từ nước mưa chảy tràn

* Giai đoạn thi công xây dựng

Chọn thời điểm thi công chủ yếu vào mùa khô để hạn chế lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trên công trường.

Đào rãnh thu gom thoát nước mưa có kích thước 0,4x0,4m để thu gom nước mưa chảy tràn trên khu vực công trường, lán trại... của dự án. Trên rãnh bố trí các hố ga để lắng đọng bùn cát (cách 25m bố trí một hố ga kích thước 1x1x1m), độ dốc đáy rãnh từ 1-3%.

* Giai đoạn vận hành dự án

Nước mưa mái được thu gom bằng các đường ống PVC-D110 dẫn vào rãnh thoát nước xây dựng ngoài nhà máy.

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa quanh nhà máy bằng mương xây gạch, kích thước R x H = 0,3x0,4m, nắp mương bằng BTCT M200, bố trí các hố ga kích thước (2,5x2x1m).

3.3. Thu gom, giảm thiểu tác động tới môi trường từ nước thải xây dựng

Bố trí các rãnh thu gom có kích thước 0,4x0,4m, chiều dài khoảng 50m, trên tuyến thu gom cứ 10m bố trí một hố ga, tổng hố ga xây dựng là 05 hố. Bố trí các hố lắng có kích thước 4x2x1,5m tại các vị trí công trường thi công đập đầu mối và nhà máy.

Xây dựng hệ thống tách dầu sơ bộ kích thước D x R x H = 3x2x1m để tách dầu mỡ ra khỏi nước thải đồng thời lắng lại một phần đất cát, chất vô cơ trước khi dẫn về hố lắng. Lượng dầu mỡ được tác ra và thu gom lưu giữ vào kho chứa chất thải nguy hại.

Nước sạch sau khi loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, nguồn tiếp nhận sau xử lý là suối Đê Bầu.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải giai đoạn thi công xây dựng

Các loại máy móc sử dụng trong khi công phải có giấy phép hoạt động hợp lệ, được đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ thi công công trình.

Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chở đất đá thải bỏ, trong quá trình vận chuyển phải phủ kín bạt, chở đúng trọng tải quy định.

Bố trí 01 xe chở nước 3m³ tiến hành phun ẩm, dập bụi trên các tuyến đường thi công, khu vực công trình thi công với tần suất 3 lần/ngày.

3.5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

* Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 05 thùng dung tích 120 lít thu gom rác thải tại khu điều hành và nhà ở công nhân; rác thải sau khi được thu gom định kỳ 02 ngày/lần được chuyển đến hố chôn lấp rác nằm gần bãi thải số 3 có dung tích 256m³ (kích thước 8x8x4m) nằm gần khu nhà máy, cách suối Đê Bầu 300m.

Chất thải rắn xây dựng: Đổ thải tại 03 bãi thải được bố trí dọc tuyến thi

công đập đầu mối, tuyến năng lượng và nhà máy. Tổng diện tích bãi thải 1,03ha, sức chứa khoảng 30.900 m³.

* Giai đoạn vận hành dự án

Chất thải sinh hoạt: Bố trí 05 thùng thu gom rác có thể tích 120 lít đặt khu nhà điều hành và nhà máy, bố trí đặt tại khu văn phòng, nhà bếp, đường nội bộ để thực hiện thu gom rác, định kỳ 02 ngày/lần rác thải được chuyển về ô chôn lấp rác thải sinh hoạt của nhà máy.

Ô chôn lấp rác thải sinh hoạt sử dụng trong 50 năm, kết thúc thời gian được hoàn nguyên bằng giải pháp phủ đất màu dày 20-30cm để trồng cây.

Biện pháp hoàn nguyên bãi thải đất đá xây dựng: Đảm bảo an toàn bãi thải bằng kè rọ đá, chiều dài kè 62m, cao 3m, chiều rộng mặt kè 1m, chiều rộng chân kè 2m, chiều cao kè 2m. Bãi thải được hoàn nguyên bằng giải pháp phủ đất màu và trồng cây, kinh phí hoàn nguyên được lấy từ nguồn kinh phí dự phòng của dự án.

3.6. Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 16m² tại khu vực nhà máy; trang bị 04 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 240 lít đặt tại kho chứa và 04 thùng có dung tích 60 lít tại công trường thi công và khu phụ trợ; các thùng chứa được dán nhãn theo TCVN 6707:2009 “CTNH - Dấu hiệu cảnh báo”.

Chủ dự án cam kết thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.7. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Yêu cầu về bảo vệ môi trường tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường khác theo đúng quy định.

Nổ mìn có lịch trình cụ thể và thông báo trước 01 ngày với chính quyền địa phương, giờ nổ mìn trong khung từ 11h30' đến 12h30' và 16h30' đến 17h30'. Thực hiện nghiêm các quy định về nổ mìn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kiểm soát chặt chẽ các thiết bị vận hành, phương tiện máy móc thường xuyên được bảo dưỡng, ưu tiên sử dụng máy móc có phát thải âm nguồn thấp khi thi công gần đối tượng nhạy cảm với ồn.

Đối với công nhân làm việc trên công trường phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động phù hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi tới sức khỏe.

3.8. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị điện; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động; bố trí biển cảnh báo...

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy rừng: Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng, tập huấn phòng cháy chữa cháy rừng.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố, rủi ro vỡ đập:

Áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đập 14TCN 56-88 về độ bền và ổn định đập, đảm bảo an toàn đập theo quy định tại Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương.

Thực hiện Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; vận hành hồ chứa và liên hồ chứa theo đúng quy trình vận hành được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố vỡ hồ, đập: Giám sát, hướng dẫn và chủ động việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm, đảm bảo thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng chống sự cố.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, bố trí họng nước cứu hỏa và thiết bị chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.9. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định; đảm bảo các nhu cầu sử dụng nước tưới tiêu và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu đập.

Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa và duy trì dòng chảy tối thiểu đáp ứng các nhu cầu nước cho các đối tượng dùng nước phía hạ du; thực hiện các giải pháp quản lý, kỹ thuật khác trong quá trình thi công và vận hành đảm bảo các yêu cầu của quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa.

Thực hiện giám sát hoạt động khai thác, sử dụng đối với hồ chứa theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Thực hiện việc giám sát quá trình xói lở dọc hai bờ suối Đề Bâu, phía hạ lưu đập trong quá trình xây dựng và vận hành nhà máy và có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở đất đá hai bên bờ sông.

Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

Chủ dự án thực hiện quan trắc giám sát môi trường trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và vận hành nhà máy với các nội dung chính về quan trắc như sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Tần suất	Thông số	Tọa độ VN 2000	
				X	Y
I. Giai đoạn triển khai xây dựng					
1	Khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT)				
1.1	KK1 Khu vực tuyến đập	3 tháng/lần	TSP, vận tốc gió, áp suất khí quyển, tiếng ồn, độ rung, SO ₂ , NO ₂ , CO, CO ₂	2420655	530954
1.2	KK2. Khu vực nhà máy	3 tháng/lần		2420675	530689
1.3	KK3. Khu tuyến năng lượng	3 tháng/lần		2420716	530145
2	Nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với K=1,2 (dưới 500 người))				
2.1	T ₁ : Khu vực công trường nhà máy.	3 tháng/lần	pH, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ, Phosphat, Coliform.	2420571	530146
2.2	T ₂ : Khu vực công trường đập đầu mối			2420711	530844
3	Nước thải xây dựng (QCVN 40:2011/BTNM, cột B)				
3.1	TC ₁ - Vị trí thi công khu vực xây dựng nhà máy.	3 tháng/lần	Nhiệt độ, pH, Mùi, BOD ₅ , COD, TSS, Dầu mỡ, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform	2420663	530729
3.2	TC ₂ - Vị trí thi công khu vực xây dựng đập đầu mối.			2420651	530145
4	Nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT)				
4.1	M ₁ : mẫu nước mặt suối Đê Bầu khu vực xây dựng đập đầu mối.	3 tháng/lần	pH, DO, BOD ₅ , COD, TSS, Dầu mỡ, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform.	2420732	530928
5	Chất thải rắn (Nghị định số 38/2015/NĐ- CP về quản lý chất thải và phế liệu)				
5.1	Chất thải rắn xây dựng: tại khu vực xây dựng tuyến đập, nhà máy, khu	Hàng ngày	Thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý CTR xây dựng,		

TT	Ký hiệu mẫu	Tần suất	Thông số	Tọa độ VN 2000	
				X	Y
	vực bãi thải		giám sát vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng, giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt bãi thải, giám sát việc trồng cây tại bãi thải sau khi kết thúc xây dựng.		
5.2	Chất thải rắn sinh hoạt:tại khu tập kết rác sinh hoạt	Hàng ngày	Thành phần, khối lượng rác phát sinh		
6	Chất thải nguy hại (Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý CTNH)				
6.1	Tại kho chứa CTNH	Hàng ngày	Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý CTNH		
II. Giai đoạn vận hành					
1	Chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT)				
1.1	NM1- Vị trí hồ chứa	3 tháng/lần	pH, DO, BOD ₅ , COD, TSS, Dầu mỡ, Amoni, Nitrat, Nitrit, Phosphat, Coliform.	2420732	530928
2.	Chất thải rắn (Nghị định số 38/2015/NĐ- CP về quản lý chất thải và phế liệu)				
2.1	Tại khu tập kết rác sinh hoạt	Hàng ngày	Thành phần, khối lượng rác phát sinh		
3	Chất thải nguy hại (Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại)				
3.1	Tại kho chứa chất thải nguy hại	Hàng ngày	Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại		

Kết quả quan trắc, giám sát môi trường được định kỳ gửi báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.